TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1859/2022/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 28 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1533/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: Hộ Đ, Số 3/3A đường B, Tổ 8, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn A, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; tạm trú: Hộ Đ, Số 3/3A đường B, Tổ 8, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L.

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị L đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 25/02/2008.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Đôi bên xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Lê Xuân T, sinh ngày 20/5/2009 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 19/3/2018; giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

mỗi trẻ là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng một tháng), bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

- Về tài sản chung: Đôi bên xác nhận không có.

- Về nợ chung: Đôi bên xác nhận không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng do ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai số AA/2022/0020077 ngày 01/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông T chưa thi hành thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

HUỲNH THẠCH VŨ